

Số: /KH-UBND Tuyên Quang, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH
Thực hiện công tác giảm nghèo bền vững năm 2026
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Thực hiện Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIX, kỳ họp thứ 2 về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo bền vững năm 2026 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo; góp phần quan trọng thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân, đặc biệt là ở các địa bàn các xã nghèo, xã vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, góp phần hoàn thành mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều năm 2026 theo Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh đề ra.

2. Mục tiêu cụ thể

Năm 2026, phấn đấu tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm 3,5%¹, các xã có tỷ lệ nghèo đa chiều cuối năm 2025 còn trên 20% trở lên giảm 4 - 6% trở lên; các xã, phường có tỷ lệ nghèo đa chiều cuối năm 2025 từ 20% trở xuống giảm từ 0,2 - 3,5%; hạn chế thấp nhất hộ tái nghèo và hộ nghèo phát sinh mới.

(Chi tiết có Phụ lục phân bổ chỉ tiêu giảm nghèo cho xã, phường kèm theo)

¹ Năm 2026 tiếp tục áp dụng chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 theo quy định tại Điều 2, Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030.

3. Chỉ tiêu giảm thiểu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

3.1. Chính sách tín dụng ưu đãi: Đảm bảo 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu, có phương án sản xuất kinh doanh, được vay vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội; 100% học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn trang trải chi phí học tập theo quy định.

3.2. Chính sách về giải quyết việc làm: 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

3.3. Chính sách về hỗ trợ về y tế

- 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ bảo hiểm y tế; tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 97,1%.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) ở trẻ em dưới 05 tuổi xuống dưới 24,5%.

3.4. Chính sách hỗ trợ về giáo dục, đào tạo

- 100% trẻ em học mẫu giáo, học sinh các cấp học, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông, học viên học tại các trường trung cấp, sinh viên cao đẳng, đại học thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được miễn, giảm học phí theo quy định.

- Phần đầu đạt trên 98% trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi.

- Phần đầu tỷ lệ lao động qua đào tạo trên địa bàn tỉnh đạt 67,6%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đạt 24,6%.

3.5. Chính sách hỗ trợ nhà ở: Tạo điều kiện để các hộ nghèo, hộ cận nghèo khó khăn về nhà ở được tiếp cận với các cơ chế, chính sách hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở hiện hành.

3.6. Chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt và vệ sinh: Phần đầu 85% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 65% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh. Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh cuối năm 2026 đạt 95%.

3.7. Chính sách hỗ trợ thông tin: Phần đầu 92% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 95% các hộ gia đình sinh sống địa bàn các xã nghèo, xã vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản sản phẩm truyền thông.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện công tác giảm nghèo bền vững

1.1. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong công tác giảm nghèo; Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội; các cơ quan truyền thông trên địa bàn, nhất là vai trò của người có uy tín trong cộng đồng, đồng bào dân tộc thiểu số để tuyên truyền, vận động thay đổi nhận thức của hộ nghèo, hộ cận nghèo về thực hiện chủ trương thoát nghèo bền vững, giúp cho hộ nghèo, hộ cận nghèo nhận thức được trách nhiệm thoát nghèo là trách nhiệm chính của gia đình, nhà nước chỉ hỗ trợ một phần các điều kiện cần thiết.

1.2. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành: Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng; chỉ đạo, điều hành của chính quyền, phối hợp thực hiện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, phát huy vai trò của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan trong triển khai thực hiện công tác giảm nghèo bền vững.

1.3. Tăng cường công tác quản lý nhà nước; hoàn thiện tổ chức bộ máy và cơ chế điều hành

- Tiếp tục kiện toàn, hoàn thiện tổ chức bộ máy thực hiện công tác giảm nghèo cấp tỉnh, cấp xã, phòng gắn với việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo. Bồi dưỡng, tập huấn, trang bị kiến thức, kỹ năng quản lý, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp.

1.4. Tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, kịp thời, hiệu quả các chính sách; các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 được chuyển tiếp thực hiện trong năm 2026²

- Các cấp, các ngành, địa phương xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo bền vững năm 2026; phân công cụ thể nhiệm vụ, tăng cường phân cấp để chủ động lập kế hoạch, quản lý điều hành và tổ chức thực hiện.

- Triển khai thực hiện đồng bộ, kịp thời, hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo; tạo điều kiện cho người dân tham gia, tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản (việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông

² Quy định tại điểm b, khoản 7, Điều 1 Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035.

tin); chú trọng lồng ghép, ưu tiên thực hiện các dự án có tính liên kết chuỗi hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn.

- Huy động nguồn lực thực hiện công tác giảm nghèo bền vững: Tăng cường huy động các nguồn lực để thực hiện có hiệu quả chính sách giảm nghèo; tiếp tục thực hiện tốt các phong trào, các cuộc vận động giúp đỡ người nghèo do Ủy ban mặt trận Tổ quốc các cấp, các tổ chức thiện nguyện, các nhà hảo tâm trong xã hội phát động.

- Tổ chức tốt công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổng hợp báo cáo tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

1.5. Thực hiện tốt các phong trào thi đua về giảm nghèo bền vững; kịp thời biểu dương, khen thưởng, động viên tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác giảm nghèo và những hộ nghèo, hộ cận nghèo tiêu biểu, điển hình vươn lên thoát nghèo bền vững; tăng cường hoạt động hỗ trợ, giúp đỡ các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao nhằm giảm nghèo bền vững.

1.6. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác giảm nghèo

- Tiếp tục phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong việc phối hợp triển khai thực hiện và giám sát việc thực hiện công tác giảm nghèo; tăng cường công tác phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và cộng đồng tham gia hỗ trợ người dân thoát nghèo bền vững; giữ gìn vệ sinh môi trường nông thôn, xây dựng nông thôn mới; triển khai thực hiện một số mô hình giảm nghèo trong hội viên, đoàn viên nghèo. Các tổ chức chính trị - xã hội được phân công giúp đỡ hộ nghèo phải thường xuyên tư vấn, giúp đỡ hộ nghèo về cách làm và ứng dụng các tiến bộ, khoa học, kỹ thuật trong sản xuất.

- Vận động ủng hộ, xây dựng Quỹ “Vì người nghèo” các cấp để tạo nguồn lực giúp đỡ hộ nghèo, cận nghèo phát triển sản xuất, sửa chữa và làm nhà ở, chăm sóc, giúp đỡ người nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Nêu cao vai trò giám sát và phản biện xã hội đối với việc thực hiện các chính sách, pháp luật của nhà nước về công tác giảm nghèo bền vững.

1.7. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách, pháp luật về giảm nghèo: Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác tổ chức thực hiện công tác giảm nghèo để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc từ cơ sở; tạo điều kiện thuận lợi nhất để các tổ chức chính trị - xã hội và toàn thể nhân dân tham gia giám sát việc thực hiện công tác giảm nghèo.

2. Nhiệm vụ, giải pháp giảm thiểu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

2.1. Về chính sách tín dụng ưu đãi

- Tạo điều kiện thuận lợi để hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tiếp cận nguồn vốn vay và các dịch vụ ngân hàng; bảo đảm đầy đủ nguồn vốn cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Rà soát, ban hành chính sách ưu đãi về nguồn vốn nhằm khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động thuộc hộ nghèo, bảo đảm thực hiện đúng quy định pháp luật hiện hành.

- Các tổ chức xã hội, tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục phát động phong trào giúp đỡ nhau nguồn vốn làm kinh tế để thoát nghèo bền vững.

2.2. Về hỗ trợ việc làm

- Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế, thu hút đầu tư để tạo việc làm cho lao động tại địa phương. Triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ tạo việc làm và đẩy mạnh công tác đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Tiếp tục thực hiện các thỏa thuận hợp tác về quản lý lao động qua biên giới với các địa phương tại Trung Quốc; lao động thời vụ với các địa phương tại Hàn Quốc,... nhằm hỗ trợ giải quyết việc làm đối với lao động nông thôn.

- Tập trung bố trí nguồn lực kinh phí thực hiện các chính sách: Hỗ trợ giáo dục định hướng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề, ngoại ngữ; đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng nghề theo thỏa thuận và các chi phí khác cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Thực hiện cho vay với mức vay tối đa 100% tổng chi phí người lao động phải trả trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định của pháp luật và chương trình, dự án có liên quan đến nội dung, hoạt động hỗ trợ việc làm.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện hoạt động dịch vụ việc làm; chú trọng công tác tư vấn định hướng nghiệp, giới thiệu việc làm; cung cấp thông tin thị trường lao động cho người lao động, người sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh.

2.3. Về lĩnh vực y tế

- Hỗ trợ phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 05 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo, hộ cận nghèo; cải thiện chất lượng bữa ăn học đường; giáo dục bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 05 đến dưới 16 tuổi).

- Cấp thẻ bảo hiểm y tế đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng theo Nghị quyết số 43/2025/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Đầu tư cơ sở vật chất cho các trạm y tế, lồng ghép với thực hiện chuẩn quốc gia về y tế, tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các dịch vụ y tế.

2.4. Về lĩnh vực giáo dục và đào tạo

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa hỗ trợ cho học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, mồ côi do Covid-19...; vận động các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hỗ trợ thông qua các hình thức như: Trao học bổng, trao tặng mái ấm khuyến học, thực hiện các chương trình tiếp sức đến trường, hỗ trợ dụng cụ học tập, quần áo, phương tiện đi lại.

- Ưu tiên tổ chức đào tạo nghề cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu học nghề; hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn, tiền ăn, tiền đi lại cho lao động hộ nghèo học các nghề đang được khuyến khích đào tạo, nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực của tỉnh. Tập trung đào tạo các ngành nghề phù hợp trình độ từ sơ cấp trở lên cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo để có việc làm ổn định, tăng thu nhập.

- Khuyến khích tổ chức đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm; đào tạo nghề phù hợp với cơ cấu lao động, cơ cấu ngành nghề của địa phương, ưu tiên đào tạo các nghề có thể tự tạo việc làm tại chỗ, nghề có nhu cầu cao, có khả năng tìm được việc làm tại địa phương, trong nước và tham gia thị trường lao động quốc tế.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả, kịp thời các chính sách hỗ trợ cho học sinh, sinh viên, học viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và quy định về chính sách phát triển giáo dục mầm non.

- Tuyên truyền, hướng dẫn và tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên đủ điều kiện và có nhu cầu vay vốn tiếp cận chính sách tín dụng theo quy định về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.

2.5. Về lĩnh vực nhà ở

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo xây dựng, sửa chữa nhà ở; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp tích cực vận động Quỹ “Vì người nghèo” để hỗ trợ xây dựng nhà Đại đoàn kết cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đồng thời triển khai các chương trình an sinh xã hội khác.

- Tiếp tục rà soát, huy động sự chung tay góp sức của hệ thống chính trị các cấp và cộng đồng xã hội nhằm hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn khác... phát sinh khó khăn về nhà ở do ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu làm hư hỏng, xuống cấp cần phải hỗ trợ xây mới, sửa chữa.

2.6. Về lĩnh vực nước sinh hoạt và vệ sinh

- Tiếp tục thực hiện chính sách đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn; huy động nguồn lực, thực hiện lồng ghép các nguồn vốn để đầu tư các công trình cấp nước sinh hoạt và hỗ trợ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo. Đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư, xây dựng, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước trong các lĩnh vực dịch vụ cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường.

- Đẩy mạnh truyền thông, nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi về sử dụng nước sạch, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh trong cộng đồng.

2.7. Về lĩnh vực thông tin

- Tăng cường đầu tư, nâng cấp hạ tầng thông tin, viễn thông và công nghệ số, bảo đảm người dân, nhất là hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận đầy đủ, kịp thời các thông tin thiết yếu về chính sách giảm nghèo, việc làm, đào tạo nghề, y tế, giáo dục và an sinh xã hội.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền đa dạng hình thức, phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn; chú trọng ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số trong cung cấp thông tin, dịch vụ công và hỗ trợ người nghèo tiếp cận, sử dụng các nền tảng số. Đồng thời, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ cơ sở trong công tác thông tin, truyền thông; tăng cường phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương nhằm bảo đảm thông tin thông suốt, chính xác, góp phần nâng cao nhận thức, tạo điều kiện để người dân chủ động vươn lên thoát nghèo bền vững.

3. Giải pháp thực hiện các dự án, tiểu dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 được chuyển sang thực hiện năm 2026

3.1. Chỉ đạo, điều hành, phối hợp nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình: Thực hiện cơ chế phân cấp, trao quyền cho địa phương, cơ sở; tăng cường sự tham gia của người dân trong suốt quá trình xây dựng và thực hiện Chương trình. Khuyến khích và mở rộng hoạt động tạo việc làm công cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người dân trên địa bàn thông qua các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình, nhất là các dự án đa dạng hóa sinh kế, mô hình giảm nghèo và dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

3.2. Tập trung các giải pháp khắc phục những vướng mắc, khó khăn nhất là các thủ tục, hồ sơ thực hiện dự án. Thực hiện hiệu quả các nội dung của Chương trình, khuyến khích các hoạt động tạo việc làm, tăng thu nhập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, mô hình giảm nghèo, giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 được chuyển sang thực hiện năm 2026 trên địa bàn.

3.3. Tập trung, ưu tiên nguồn lực theo hướng ưu tiên các chương trình, dự án mang lại hiệu quả cao như: Tạo việc làm, hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế nhân rộng mô hình giảm nghèo, ... lồng ghép thực hiện chính sách tín dụng, chương trình an sinh xã hội với hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao khoa học công nghệ.

3.4. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm của các ngành, các cấp trong công tác quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện Chương trình.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch năm 2026 được phân bổ từ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 *(nếu có)*.

2. Kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo chung; giảm nghèo đặc thù của địa phương theo quy định hiện hành.

3. Vốn tín dụng, vốn huy động của các tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác.

4. Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 được phép chuyển nguồn sang thực hiện năm 2026 theo quy định tại điểm b, khoản 7, Điều 1 Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành của tỉnh hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện các dự án, tiểu dự án đảm bảo đúng mục tiêu, đối tượng và nội dung hỗ trợ theo quy định.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động truyền thông, nâng cao năng lực giảm nghèo, giám sát đánh giá và rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Hướng dẫn, đôn đốc các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ; tổng hợp báo cáo theo quy định.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành chức năng xây dựng kế hoạch, phân bổ nguồn vốn, kinh phí cho sở, ban, ngành của tỉnh và Ủy ban nhân dân xã, phường để thực hiện Kế hoạch theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường đề xuất thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng nguồn vốn đảm bảo đầu tư đúng mục tiêu, đối tượng, nội dung và báo cáo kết quả việc sử dụng kinh phí theo quy định.

4. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp các sở, ngành của tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường hướng dẫn, thực hiện các chính sách thuộc lĩnh vực ngành quản lý; phối hợp kiểm

tra, giám sát việc tổ chức thực hiện, đảm bảo đúng mục tiêu, đối tượng và nội dung hỗ trợ và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp các sở, ngành của tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường nghiên cứu, xây dựng, trình ban hành và tổ chức chỉ đạo thực hiện các chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên nghèo. Hướng dẫn, thực hiện các hoạt động về phát triển giáo dục nghề nghiệp, ưu tiên thực hiện các xã nghèo, xã vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; phối hợp kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Phối hợp với các địa phương thực hiện một số nội dung của Kế hoạch này nhằm nâng cao tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được đi học đúng độ tuổi, đúng cấp học và triển khai thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

6. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành của tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường hướng dẫn, thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ tạo việc làm; thực hiện chính sách thu hút cán bộ, trí thức trẻ tình nguyện đến nhận công tác ở các xã, nhất là đối với các xã khó khăn thuộc vùng III, II; chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở; hướng dẫn tiêu chí khen thưởng đối với hộ, thôn, tổ dân phố, xã, phường có thành tích giảm nghèo bền vững; báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

7. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường tiếp tục rà soát và hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng mục tiêu, đối tượng; báo cáo kết quả triển khai thực hiện theo quy định.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp các sở, ngành của tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường hướng dẫn, thực hiện chính sách đưa văn hoá về cơ sở, ưu tiên hỗ trợ người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận các sản phẩm văn hoá, nhất là ở các địa bàn đặc biệt khó khăn và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

9. Sở Tư pháp

Triển khai đồng bộ thực hiện các chính sách trợ giúp pháp lý cho hộ nghèo, hộ cận nghèo để nâng cao chất lượng trợ giúp theo từng vụ việc và tăng cường truyền thông về trợ giúp pháp lý ở cơ sở, cho người dân, đặc biệt là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn và đồng bào dân tộc thiểu số.

10. Thông kê tỉnh

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường nghiên cứu, tổ chức hướng dẫn nghiệp vụ điều tra, rà soát, lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 trên địa tỉnh Tuyên Quang.

11. Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyên Quang

Chỉ đạo và hướng dẫn Bảo hiểm xã hội cơ sở phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình đảm bảo kịp thời, tránh trùng lặp đối tượng.

12. Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang

Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác để phát triển sản xuất, kinh doanh, tham gia mô hình hỗ trợ sinh kế giảm nghèo, tham gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, xây nhà ở, vay vốn học tập,... tạo điều kiện cho người thuộc hộ nghèo nâng cao thu nhập, cải thiện mức sống, vươn lên thoát nghèo.

13. Các sở, ngành, đơn vị liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp tham gia, tổ chức thực hiện Kế hoạch này. Các sở, ngành được phân công phụ trách, theo dõi các xã, phường thực hiện nghiêm chế độ làm việc với cơ sở. Tăng cường kiểm tra, giám sát và theo dõi chặt chẽ việc thực hiện triển khai kế hoạch của đơn vị, xã, phường; kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc phát sinh của cơ sở đến các sở, ngành chuyên môn, Ủy ban nhân dân tỉnh để tháo gỡ, giải quyết.

14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Tuyên Quang

- Chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và các sở, ngành có liên quan xây dựng kế hoạch, nội dung giám sát và phản biện xã hội đối với việc triển khai thực hiện Kế hoạch; phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang hỗ trợ tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo phát triển sản xuất, tham gia xây dựng các mô hình sinh kế giảm nghèo bền vững ở địa phương và các hoạt động an sinh xã hội của các đơn vị dành cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Vận động các đơn vị, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia ủng hộ giúp đỡ người nghèo qua Quỹ “Vì người nghèo” và thực hiện các chương trình an sinh xã hội.

15. Ủy ban nhân dân xã, phường

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch, đảm bảo đúng mục tiêu, đối tượng và nội dung hỗ trợ theo quy định; chủ động bố trí ngân sách, nhân lực, lồng ghép kinh phí các chương trình, các đề án có liên quan trên địa bàn để đảm bảo

thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch. Tập trung hỗ trợ cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo để đạt chuẩn về tiêu chí nghèo đa chiều.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền; sự phối hợp của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức chính trị - xã hội trong phát triển kinh tế - xã hội, gắn với giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội.

- Phân đầu thực hiện vượt chỉ tiêu tỷ lệ giảm hộ nghèo được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Phụ lục kèm theo. Thường xuyên theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc quá trình triển khai, tiến độ giải ngân các nguồn vốn theo quy định. Tăng cường thực hiện các hoạt động tuyên truyền, truyền thông và rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình triển khai thực hiện kế hoạch tại địa phương.

Yêu cầu các sở, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ khẩn trương triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ 6 tháng, năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp). Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền giải quyết, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Văn phòng QG về giảm nghèo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh Tuyên Quang;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Đảng ủy các xã, phường;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Gia Long